

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ**

(*Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

*Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2011*

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2 - 3
BÀNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LUU CHUYÊN TIỀN TỆ	8
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIÊN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 26

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Ngọc Thắng	Chủ tịch
Ông Trần Minh Hoàng	Ủy viên
Ông Phạm Quang Huy	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Hà	Ủy viên
Ông Hiroshi Kobayashi	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 07/8/2011)
Ông Nguyễn Hoàng Nam	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 29/11/2011)
Ông Đoàn Thành Nhân	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 29/11/2011)

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Quang Huy	Tổng Giám đốc
Ông Trần Hùng Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Hưng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hoàng Hải Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Nam	Phó Tổng Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Quang Huy  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2012

Số: 129 /Deloitte-AUDHN-RE

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam  
Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex  
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa,  
Hà Nội, Việt Nam  
Tel : +844 6288 3568  
Fax: +844 6288 5678  
[www.deloitte.com/vn](http://www.deloitte.com/vn)

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 4 đến trang 26. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Ngoại trừ các vấn đề hạn chế phạm vi kiểm toán được trình bày sau đây, chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Như trình bày tại Thuyết minh số 6, phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, căn cứ báo giá của ba (3) công ty chứng khoán, Công ty đã không trích lập dự phòng giám giá cho các khoản đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết (OTC) với tổng giá trị khoản đầu tư là 281.597.277.188 đồng và các khoản ủy thác đầu tư cổ phiếu OTC với giá trị đầu tư là 55.802.936.710 đồng. Chúng tôi không thể xác định được mức độ hợp lý của các báo giá về giá trị thị trường của các cổ phiếu chưa niêm yết của Công ty để xác định dự phòng giám giá khoản đầu tư ngắn hạn. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về các khoản dự phòng giám giá các khoản đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết OTC của Công ty và các ảnh hưởng tới các khoản mục khác có liên quan trên báo cáo tài chính.

Như trình bày tại Thuyết minh số 7, phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, nhà đầu tư đã sử dụng các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thành phố Hồ Chí Minh và một số tài sản khác với tổng giá trị 62.824.004.303 đồng để đảm bảo cho khả năng thanh toán của một số hợp đồng hợp tác đầu tư khi chứng khoán hợp tác đầu tư đã bị suy giảm giá trị (phản ánh trên khoản mục phải thu khác với giá trị là 56.191.530.418 đồng). Công ty đã ký hợp đồng với một công ty thẩm định giá độc lập để định giá các quyền sử dụng đất nêu trên. Tuy nhiên, hai (2) lô đất với tổng giá trị 20.621.240.000 đồng được định giá dựa trên giá định các lô đất này sẽ được chuyển đổi thành công mục đích sử dụng từ đất trồng cây lâu năm và đất trồng lúa thành đất ở. Tại ngày báo cáo này, việc chuyển đổi mục đích sử dụng của hai (2) lô đất trên chưa hoàn thành. Do đó, chúng tôi không thể xác định được giá trị của các Quyền sử dụng đất nêu trên có đảm bảo cho khả năng thanh toán các khoản công nợ hợp tác đầu tư trình bày ở trên hay không.

Như trình bày tại Thuyết minh số 9, phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm, Công ty đã ghi nhận tăng doanh thu và khoản phải thu phần doanh thu cổ tức năm 2011 từ một khoản đầu tư với số tiền 11.006.414.000 đồng trên cơ sở Hội đồng Quản trị của đơn vị nhận đầu tư đã đồng ý chủ trương tạm ứng 10% cổ tức năm 2011 cho Công ty. Tuy nhiên, đến ngày lập báo cáo này, đơn vị nhận đầu tư chưa chính thức công bố cho các cổ đông về việc chia cổ tức và chưa thanh toán tiền tạm ứng cổ tức nêu trên cho Công ty. Nếu ghi nhận doanh thu tại thời điểm Công ty chính thức được quyền nhận cổ tức, doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và khoản phải thu khác sẽ giảm tương ứng 11.006.414.000 đồng.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN (Tiếp theo)

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề trình bày ở trên, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Phạm Hoài Nam  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0042/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 30 tháng 3 năm 2012  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đặng Văn Khải  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0758/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ**

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011*

**MẪU SỐ B 01-CTCK**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	100		<b>933.890.018.571</b>	<b>1.615.225.424.430</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110	5	<b>200.680.087.112</b>	<b>669.525.119.879</b>
1. Tiền	111		200.180.087.112	609.825.119.879
2. Các khoản tương đương tiền	112		500.000.000	59.700.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	120	6	<b>602.739.670.140</b>	<b>628.959.695.317</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		632.255.176.819	654.177.994.428
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(29.515.506.679)	(25.218.299.111)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		<b>122.161.795.152</b>	<b>307.781.638.062</b>
1. Phải thu khách hàng	131	7	86.880.260.155	27.610.019.247
2. Trả trước cho người bán	132		306.684.239	2.508.511.049
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	8	5.025.795.699	30.723.595.000
4. Các khoản phải thu khác	138	9	67.993.089.882	246.939.512.766
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(38.044.034.823)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	140		<b>588.983.722</b>	<b>451.901.600</b>
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		<b>7.719.482.445</b>	<b>8.507.069.572</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.287.366.440	1.675.856.882
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		38.253.693	10.403.569
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		85.580.739	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		6.308.281.573	6.820.809.121
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)</b>	200		<b>217.875.293.736</b>	<b>90.291.443.118</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	220		<b>24.651.424.153</b>	<b>26.095.536.358</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	14.696.653.042	15.891.888.990
- Nguyên giá	222		26.699.662.231	23.151.916.716
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223		(12.003.009.189)	(7.260.027.726)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	9.434.727.325	5.929.368.618
- Nguyên giá	228		13.397.498.795	8.347.933.480
- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		(3.962.771.470)	(2.418.564.862)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		520.043.786	4.274.278.750
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	250	12	<b>180.646.453.460</b>	<b>55.000.000.000</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258		180.646.453.460	55.000.000.000
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	260		<b>12.577.416.123</b>	<b>9.195.906.760</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4.692.464.724	4.170.640.308
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		2.974.680.844	1.299.526.404
3. Tài sản dài hạn khác	268		4.910.270.555	3.725.740.048
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	270		<b>1.151.765.312.307</b>	<b>1.705.516.867.548</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011*

**MẪU SỐ B 01-CTCK**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>560.797.140.773</b>	<b>1.107.477.656.243</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>560.786.668.031</b>	<b>1.107.338.656.243</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	25.000.000.000	-
2. Phải trả người bán	312		190.761.466	83.511.440
3. Người mua trả tiền trước	313		278.307.688	1.242.403.476
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	633.342.698	4.030.431.133
5. Phải trả người lao động	315		3.159.024.692	1.144.688.010
6. Chi phí phải trả	316		21.394.230.629	8.938.402.558
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	368.286.079.430	656.155.401.507
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		129.792.780.721	414.335.749.094
9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		11.607.843.066	21.199.852.897
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(6.837.077)	208.216.128
11. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		451.134.718	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>10.472.742</b>	<b>139.000.000</b>
1. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		10.472.742	139.000.000
<b>B - NGUỒN VỐN (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>590.968.171.534</b>	<b>598.039.211.305</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>590.968.171.534</b>	<b>598.039.211.305</b>
1. Vốn điều lệ	411		598.413.000.000	509.250.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		67.439.970.360	27.055.378.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.740.232.026	6.740.232.026
4. Lỗ lũy kế/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(81.625.030.852)	54.993.601.279
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.151.765.312.307</b>	<b>1.705.516.867.548</b>



## BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN (Tiếp theo) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

**MẪU SỐ B 01-CTCK**  
Đơn vị: VND

	Mã số	31/12/2011	31/12/2010
<b>1. Chứng khoán lưu ký</b>	006	<b>5.409.524.260.000</b>	<b>5.669.891.200.000</b>
1.1. Chứng khoán giao dịch	007	4.769.656.310.000	4.288.796.340.000
1.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	41.720.290.000	39.303.810.000
1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	4.727.743.620.000	4.247.727.730.000
1.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	192.400.000	1.764.800.000
1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	383.797.950.000	1.341.524.720.000
1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	294.634.950.000	1.341.524.720.000
1.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015	89.163.000.000	-
1.3. Chứng khoán cầm cố	017	88.000.000.000	10.000.000.000
1.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	88.000.000.000	10.000.000.000
1.4. Chứng khoán chờ thanh toán	027	25.746.400.000	28.824.500.000
1.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	106.000.000	9.800.000
1.4.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng	029	25.640.400.000	28.814.700.000
1.5. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	102.000.000.000	-
1.5.1. Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	034	102.000.000.000	-
1.6. Chứng khoán chờ giao dịch	037	40.323.600.000	745.640.000
1.6.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	20.000	340.000
1.6.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	20.323.580.000	745.300.000
1.6.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	040	20.000.000.000	-
<b>2. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết</b>	050	<b>607.873.370.000</b>	<b>618.003.720.000</b>
<b>3. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán</b>	083	-	93.762.460.000



Phạm Quang Huy  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2012

Trần Ngọc Đốc  
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 26 là một bộ phận hơn thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011*

MẪU SỐ B 02-CTCK  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
<b>1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>	01		<b>176.416.526.183</b>	<b>258.656.043.296</b>
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		12.258.611.557	28.247.400.990
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		45.128.619.481	82.343.172.104
Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	5.950.578.000
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		18.348.884.181	18.181.140.043
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		4.619.334.794	4.635.466.389
Doanh thu khác	01.9	17	96.061.076.170	119.298.285.770
<b>2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	10		<b>176.416.526.183</b>	<b>258.656.043.296</b>
3. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	18	150.646.450.295	107.472.357.694
<b>4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)</b>	20		<b>25.770.075.888</b>	<b>151.183.685.602</b>
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	19	118.968.305.559	65.498.335.677
<b>6. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)</b>	30		(93.198.229.671)	<b>85.685.349.925</b>
7. Thu nhập khác	31		186.862.760	1.200.000
8. Chi phí khác	32		196.643.634	11.044.682
<b>9. (Lỗ) khác (40=31-32)</b>	40		(9.780.874)	(9.844.682)
<b>10. Tổng (Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	50		(93.208.010.545)	<b>85.675.505.243</b>
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		48.832.402	20.746.252.597
<b>12. (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	60		(93.256.842.947)	64.929.252.646
<b>13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	70		-	<b>1.418</b>



Phạm Quang Huy  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2012

Trần Ngọc Đốc  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LUU CHUYỀN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-CTCK  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
<b>I. LUU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. (Lỗ) trước thuế	01	(93.208.010.545)	85.675.505.243
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Kháu hao tài sản cố định	02	6.301.181.475	4.559.721.616
Các khoản dự phòng	03	42.341.242.391	19.730.446.313
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(44.345.500.476)	(2.690.494.854)
Chi phí lãi vay	06	326.250.000	41.283.080.922
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(88.584.837.155)	148.558.259.240
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	142.485.690.616	(200.464.418.466)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(137.082.122)	(449.551.601)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(570.185.084.782)	748.688.915.590
(Tăng) chi phí trả trước và tài sản ngắn hạn	12	(76.757.650.090)	(40.429.005.273)
Tiền lãi vay đã trả	13	(326.250.000)	(54.811.424.356)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.004.364.325)	(17.790.720.674)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.992.508.976)	(7.311.877.310)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(600.502.086.834)	575.990.177.150
<b>II. LUU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(32.647.409.791)	(8.622.992.359)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	90.117.471	-
3. Tiền thu hồi/(chỉ) đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	5.066.297.048	(55.000.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	44.369.320.899	2.690.494.854
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	16.878.325.627	(60.932.497.505)
<b>III. LUU CHUYỀN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	129.547.592.360	117.055.378.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	25.000.000.000	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(300.000.000.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(39.768.863.920)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	114.778.728.440	(182.944.622.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>	50	(468.845.032.767)	332.113.057.645
Tiền và tương đương tiền tồn đầu năm	60	669.525.119.879	337.412.062.234
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	200.680.087.112	669.525.119.879



Phạm Quang Huy  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2012

Trần Ngọc Độc  
Kế toán trưởng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cùng với các cổ đông chiến lược khác thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép kinh doanh số 0103014903 ngày 14 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 26/UBCK-GPHĐKD ngày 19 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với số vốn điều lệ ban đầu là 150.000.000.000 đồng. Theo Giấy phép điều chỉnh số 15/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 2 năm 2011, vốn điều lệ đăng ký của Công ty là 598.413.000.000 đồng.

Ngày 21 tháng 7 năm 2010, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là: 223 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 248 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán; tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Chế độ kế toán doanh nghiệp được Bộ Tài chính ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 20 tháng 10 năm 2010, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 162/2010/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư số 162/2010/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điểm về phân loại và trình bày, sửa đổi mã số và cơ sở lấy dữ liệu để lập một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011. Công ty bắt đầu thực hiện áp dụng Thông tư này cho việc lập các báo cáo tài chính trong năm 2011.

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 24.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MÃU SÓ B 09-CTCK**

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ánh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi ngân hàng bao gồm tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán là các khoản đặt cọc cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

**Đầu tư tài chính ngắn hạn**

Đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm chứng khoán thương mại và các khoản đầu tư ngắn hạn khác của Công ty. Đầu tư ngắn hạn khác chủ yếu bao gồm hình thức “hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý danh mục đầu tư, ủy thác quản lý vốn” với nhà đầu tư. Theo đó, lợi nhuận phân chia cho Công ty không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của nhà đầu tư; Công ty được hưởng lợi nhuận theo tỷ lệ cố định trên phần vốn hợp tác của mình, theo số ngày thực tế hợp tác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KÉ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Đầu tư tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)**

Đầu tư ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư được Công ty vận dụng theo như hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Theo đó:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết, Công ty áp dụng giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng đối với chứng khoán niêm yết tại sàn HNX và giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng đối với chứng khoán niêm yết tại sàn HOSE.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết, dự phòng giảm giá cho các chứng khoán được thực hiện trên cơ sở đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về giá trị suy giảm của các cổ phiếu, dựa trên việc tham khảo báo giá của 3 công ty chứng khoán khác do Công ty thu thập bao gồm: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt, Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall và Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương.
- Đối với hoạt động hợp tác đầu tư, dự phòng giảm giá cho được thực hiện trên cơ sở đánh giá của Ban Tổng Giám đốc đối với từng hợp đồng hợp tác đầu tư phù hợp với điều kiện thị trường chứng khoán tại thời điểm trích lập dự phòng.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty.

Giá gốc của các khoản đầu tư xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Phải thu khách hàng**

Phải thu khách hàng bao gồm phải thu phí cung cấp dịch vụ môi giới, tư vấn cho nhà đầu tư, lãi dự thu về dịch vụ tài chính, và các khoản phải thu về dịch vụ khác. Các khoản phải thu khách hàng được phản ánh theo giá gốc.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản nợ quá hạn thanh toán được trích lập theo các quy định hiện hành và theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về khả năng thu hồi tại thời điểm ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư tài chính dài hạn được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009. Dự phòng được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

**Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu**

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà Công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KÉ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư.

**Doanh thu**

*Hoạt động môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư*

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

*Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn*

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ; lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

*Hoạt động bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành chứng khoán*

Doanh thu hoạt động bảo lãnh phát hành và đại lý phát hành chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hoàn thành việc thông báo kết quả phát hành chứng khoán.

*Hoạt động tư vấn*

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

*Hoạt động lưu ký chứng khoán*

Doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

*Hoạt động ủy thác đấu giá*

Doanh thu hoạt động ủy thác đấu giá được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

*Doanh thu khác*

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, lãi kỳ phiếu ngân hàng, lãi thu được từ hợp đồng bán chứng khoán. Doanh thu khác được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ**

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các *thuyết minh* này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với *báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09-CTCK****4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KÉ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trinh bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bằng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có khoản lỗ tính thuế có thể được dùng để khấu trừ với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm kể từ năm phát sinh. Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào cho khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về thời điểm có thể sử dụng bù trừ với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	VND	VND
Tiền mặt	554.082.600	785.099.089
Tiền gửi ngân hàng	196.248.555.342	597.890.912.505
Trong đó: <i>Tiền gửi của Nhà đầu tư</i>	139.306.121.934	408.916.492.769
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	3.377.449.170	11.149.108.285
Trong đó: <i>Tiền gửi của Nhà đầu tư</i>	1.132.510.002	6.459.427.176
Các khoản tương đương tiền	500.000.000	59.700.000.000
	<b>200.680.087.112</b>	<b>669.525.119.879</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ**

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	VND	VND
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>		
Cổ phiếu chưa niêm yết (i)	281.597.277.188	84.011.297.788
Cổ phiếu niêm yết	59.140.900.613	72.443.981.979
Trái phiếu	-	102.000.000
	<b>340.738.177.801</b>	<b>156.557.279.767</b>
<b>Đầu tư ngắn hạn khác</b>		
Hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý vốn, ủy thác quản lý danh mục đầu tư (ii)	204.560.420.788	471.974.634.661
Hợp đồng mua chứng khoán có kỳ hạn	7.784.955.000	24.646.080.000
Giao dịch ký quỹ chứng khoán (iii)	79.171.623.230	-
Tiền gửi có kỳ hạn	-	1.000.000.000
	<b>291.516.999.018</b>	<b>497.620.714.661</b>
<b>Trừ: Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</b>		
Dự phòng chứng khoán chưa niêm yết	-	(2.742.730.028)
Dự phòng chứng khoán niêm yết	(12.516.001.933)	(13.913.100.376)
Dự phòng hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý danh mục đầu tư (*)	(16.999.504.746)	(8.562.468.707)
	<b>(29.515.506.679)</b>	<b>(25.218.299.111)</b>
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>602.739.670.140</b>	<b>628.959.695.317</b>

- (i) Đối với các khoản đầu tư ngắn hạn cổ phiếu chưa niêm yết, tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và dựa trên cơ sở thu thập báo giá của 3 công ty chứng khoán (trình bày tại Thuyết minh số 4) và khẳng định Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư này.
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, trong tổng số dư khoản hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý vốn và ủy thác quản lý danh mục đầu tư bao gồm:
  - a) 107,7 tỷ đồng là giá trị chứng khoán OTC được Công ty ủy thác mua trong năm 2011. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã đánh giá một cách thận trọng và dựa trên cơ sở thu thập báo giá của 3 công ty chứng khoán và khẳng định Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư này.
  - b) 10,5 tỷ đồng là giá trị các hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Công ty với một nhóm các nhà đầu tư cá nhân tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị các hợp đồng hợp tác đầu tư này đã cao hơn thị giá chứng khoán và Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá cho các khoản hợp tác đầu tư này.
  - c) 80,5 tỷ đồng là giá trị các hợp đồng ủy thác quản lý vốn và hợp đồng hợp tác đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty không phải trích lập dự phòng các hợp đồng này.

Trong năm Công ty đã phân loại một khoản ủy thác đầu tư ngắn hạn với giá trị 180.646.453.460 đồng sang đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh số 12).

- (iii) Giao dịch ký quỹ chứng khoán phản ánh số tiền Công ty đã cấp cho nhà đầu tư thông qua dịch vụ và tài khoản ký quỹ. Công ty kiểm soát rủi ro hoạt động này thông qua việc quản lý số lượng và giá trị chứng khoán tại từng thời điểm.

- (\*) Trong đó bao gồm 9.047.740.000 đồng là giá trị dự phòng cổ phiếu niêm yết thuộc danh mục ủy thác đầu tư Công ty chịu rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ  
 Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm  
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011  
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
 Các *thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

Chi tiết dự phòng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

Chi tiêu

Chi tiêu	Giá trị theo sổ kê toán		Giá trị so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	
Cổ phiếu niêm yết			21.563.741.933	13.913.100.376	57.094.984.680
<i>Đầu tư trực tiếp</i>	78.658.726.613	225.390.212.389	12.516.001.933	13.913.100.376	46.624.898.680
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	59.140.900.613	72.443.981.979	1.382.108.115	77.340.815	3.682.671.200
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Nghệ An	5.064.779.315	925.044.815	-	-	3.759.660.700
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	5.042.910.700	-	7.275.828.510	-	1.283.250.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	48.571.512.510	23.866.846.120	15.748.390	745.023.720	41.295.684.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	222.424.390	37.808.655.000	9.729.724.790	12.979.472.000	23.121.822.400
Các cổ phiếu khác	-	-	-	83.434.790	206.676.000
<i>Ủy thác đầu tư</i>	239.273.698	113.711.254	82.656.218	27.829.051	24.829.183.000
Tổng cộng	19.517.826.000	152.946.230.410	9.047.740.000	-	156.617.480
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	14.748.180.000	-	9.047.740.000	-	5.700.440.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	4.769.646.000	152.946.230.410	-	-	4.769.646.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	281.597.277.188	84.011.297.788	-	2.742.730.028	152.946.230.410
Tổng cộng	360.256.003.801	309.401.510.177	21.563.741.933	16.655.830.404	81.268.567.760
					281.597.277.188
					338.692.261.868
					292.745.679.773

Đơn vị: VND

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

MẪU SỐ B 09-CTCK

## 7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Phí dịch vụ, cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư và tổ chức	14.039.284.991	18.400.339.236
Phải thu ủy thác quản lý vốn	8.352.095.231	6.804.405.001
Phải thu khác (*)	64.488.879.933	2.405.275.010
	<b>86.880.260.155</b>	<b>27.610.019.247</b>

(\*) Bao gồm 56.191.530.418 đồng phải thu một nhóm đầu tư tại thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng hợp tác đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, nhà đầu tư đã sử dụng giá trị các cổ phiếu sở hữu, tiền mặt và các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thành phố Hồ Chí Minh và một số tài sản khác với tổng giá trị 62.824.004.303 đồng để đảm bảo cho khả năng thanh toán cho số dư nợ này. Công ty đã ký hợp đồng với một công ty thẩm định giá độc lập để định giá các quyền sử dụng đất nêu trên. Tuy nhiên, hai (2) lô đất với giá trị 20.621.240.000 đồng được định giá dựa trên giá định các lô đất này sẽ được chuyển đổi thành công mục đích sử dụng từ đất trồng cây lâu năm và đất trồng lúa thành đất ở. Tại ngày báo cáo này, việc chuyển đổi mục đích sử dụng của lô đất trên vẫn đang được thực hiện và chưa hoàn thành. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, giá trị quyền sử dụng đất nêu trên đã được định giá phù hợp với giá thị trường, tài sản bảo đảm có tính thanh khoản cao và đủ bù đắp số dư các khoản phải thu có liên quan. Do đó, Công ty không trích lập dự phòng phải thu đối với các khoản phải thu này.

## 8. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 chủ yếu phản ánh số tiền Công ty đã thanh toán cho tổ chức phát hành để mua chứng khoán nhưng chưa nhận được Sổ Cổ đông. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá thận trọng và tin tưởng rằng, tại ngày lập báo cáo, các khoản phải thu này không bị suy giảm giá trị và Công ty không trích lập dự phòng đối với các khoản phải thu này.

## 9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Cổ tức	12.767.465.600	-
Phải thu giao dịch hợp đồng hợp tác đầu tư	47.446.084.010	-
Üng tiền mua gom trái phiếu cho đối tác	-	77.000.000.000
Phải thu theo hợp đồng quản lý danh mục đầu tư	-	35.500.000.000
Hợp đồng tiền gửi	-	130.000.000.000
Lãi dự thu tiền gửi	-	1.985.777.779
Thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	4.119.001.816	-
Phải thu khác	3.660.538.456	2.453.734.987
	<b>67.993.089.882</b>	<b>246.939.512.766</b>

Phải thu cổ tức bao gồm 11.006.414.000 đồng tương ứng với doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán được Công ty ghi nhận trên cơ sở Hội đồng Quản trị của đơn vị nhận đầu tư đã đồng ý chủ trương tạm ứng 10% cổ tức năm 2011 cho Công ty. Đến ngày báo cáo này, đơn vị nhận đầu tư chưa chính thức công bố cho các cổ đông về việc chia cổ tức và chưa thanh toán tiền tạm ứng cổ tức nêu trên cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá một cách cẩn trọng và tin tưởng rằng, năm 2011, đơn vị nhận đầu tư kinh doanh có lãi và tỷ lệ chi trả cổ tức ít nhất là 10%.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
 Các *thuyết minh* này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2011	<b>19.405.129.216</b>	<b>3.746.787.500</b>	<b>23.151.916.716</b>
Tăng trong năm	3.651.856.390	-	3.651.856.390
Thanh lý nhượng bán	(104.110.875)	-	(104.110.875)
Tại ngày 31/12/2011	<b>22.952.874.731</b>	<b>3.746.787.500</b>	<b>26.699.662.231</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KÉ</b>			
Tại ngày 01/01/2011	<b>6.275.643.049</b>	<b>984.384.677</b>	<b>7.260.027.726</b>
Khấu hao trong năm	3.305.073.653	1.451.901.214	4.756.974.867
Thanh lý nhượng bán	(13.993.404)	-	(13.993.404)
Tại ngày 31/12/2011	<b>9.566.723.298</b>	<b>2.436.285.891</b>	<b>12.003.009.189</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2011	<b>13.386.151.433</b>	<b>1.310.501.609</b>	<b>14.696.653.042</b>
Tại ngày 31/12/2010	<b>13.129.486.167</b>	<b>2.762.402.823</b>	<b>15.891.888.990</b>

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm ứng dụng VND	Khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2011	<b>8.047.933.480</b>	<b>300.000.000</b>	<b>8.347.933.480</b>
Tăng trong năm	5.049.565.315	-	5.049.565.315
Tại ngày 31/12/2011	<b>13.097.498.795</b>	<b>300.000.000</b>	<b>13.397.498.795</b>
<b>KHẤU HAO LŨY KÉ</b>			
Tại ngày 01/01/2011	<b>2.390.500.346</b>	<b>28.064.516</b>	<b>2.418.564.862</b>
Khấu hao trong năm	1.446.948.544	97.258.064	1.544.206.608
Tại ngày 31/12/2011	<b>3.837.448.890</b>	<b>125.322.580</b>	<b>3.962.771.470</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2011	<b>9.260.049.905</b>	<b>174.677.420</b>	<b>9.434.727.325</b>
Tại ngày 31/12/2010	<b>5.657.433.134</b>	<b>271.935.484</b>	<b>5.929.368.618</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ**

Số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**MẪU SỐ B 09-CTCK****12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Trong năm 2011, một số khoản đầu tư đã được phân loại lại do Công ty thay đổi mục đích năm giữ. Việc phân loại lại này có ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Chi tiết các khoản đầu tư chủ yếu được phân loại lại cũng như ảnh hưởng tương ứng lên kết quả hoạt động kinh doanh trong năm như sau:

	Phân loại		
	Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011	Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010	Chú thích
Khoản đầu tư			
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Hải phòng	Đầu tư ngắn hạn	Đầu tư dài hạn khác	(i)
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Đầu tư ngắn hạn	Đầu tư dài hạn khác	(i)
Công ty Cổ Phần Đầu tư và TM Dầu khí Sông Hồng	Đầu tư ngắn hạn	Đầu tư dài hạn khác	(i)
Công ty Cổ phần Tư vấn Dự án Điện lực Dầu khí	Đầu tư ngắn hạn	Đầu tư dài hạn khác	(i)
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	Đầu tư dài hạn	Đầu tư ngắn hạn	(ii)

- (i) Theo Nghị quyết số 05a/NQ-HĐQT-CKDK ngày 16 tháng 8 năm 2011 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã chuyển đổi danh mục đầu tư chứng khoán chưa niêm yết từ hình thức đầu tư dài hạn (với giá trị 50 tỷ đồng) sang hình thức đầu tư ngắn hạn và chuyển đổi cơ cấu một phần danh mục ủy thác quản lý danh mục đầu tư cổ phiếu từ hình thức ngắn hạn sang hình thức đầu tư chiến lược, dài hạn.
- (ii) Trong năm 2011, Công ty đã ký thỏa thuận hợp tác chiến lược với Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (PET). Theo thỏa thuận này, Công ty cam kết nắm giữ lâu dài, hạn chế giao dịch đối với cổ phiếu của PET và sẽ thông báo cho PET trong trường hợp có thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu lớn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá đầu tư đối với khoản đầu tư này do năm 2011, đơn vị nhận đầu tư hoạt động kinh doanh có lãi.

**13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

Vay và nợ ngắn hạn phản ánh giá trị hợp đồng vay ngắn hạn tại Ngân hàng để bổ sung vốn ngắn hạn với thời hạn vay 1 tuần. Công ty đã hoàn trả gốc khoản vay vào ngày 03 tháng 01 năm 2012.

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	82.709.222	179.379.635
Thuế thu nhập cá nhân	550.633.476	981.100.314
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.869.951.184
	<b>633.342.698</b>	<b>4.030.431.133</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGĂN HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2011</b> VND	<b>31/12/2010</b> VND
Nhận đặt cọc từ các tổ chức tín dụng (i)	350.000.000.000	638.000.000.000
Phải trả tiền mua chứng khoán tự doanh	618.300.300	-
Nhà đầu tư nộp tiền mua cổ phiếu, trái phiếu	-	8.990.802.230
Phải trả Sở Giao dịch thanh toán bù trừ 3 ngày cuối năm	10.049.920.000	4.567.638.000
Phải trả, phải nộp khác (ii)	7.617.859.130	4.596.961.277
	<b>368.286.079.430</b>	<b>656.155.401.507</b>

(i) Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ thu gom trái phiếu với các Tổ chức tín dụng, theo đó các Tổ chức tín dụng thực hiện đặt cọc theo hợp đồng. Trong trường hợp Công ty không thu gom được, Công ty phải trả các tổ chức tín dụng khoản lãi của số tiền đặt cọc với lãi suất quy định tại từng Phụ lục Hợp đồng cho từng đợt giải ngân.

(ii) Chủ yếu phản ánh các khoản phải trả hộ cổ tức của cổ phiếu chưa niêm yết.

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ (*) VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (**) VND	Tổng VND
01/01/2011	<b>509.250.000.000</b>	<b>27.055.378.000</b>	<b>6.740.232.026</b>	<b>54.993.601.279</b>	<b>598.039.211.305</b>
Góp vốn trong năm	89.163.000.000	40.384.592.360	-	-	129.547.592.360
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(93.256.842.947)	(93.256.842.947)
Chia cổ tức	-	-	(39.768.863.920)	(39.768.863.920)	
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(2.692.925.264)	(2.692.925.264)
Chi thường ban điều hành năm 2010	-	-	-	(900.000.000)	(900.000.000)
	<b>31/12/2011</b>	<b>598.413.000.000</b>	<b>67.439.970.360</b>	<b>6.740.232.026</b>	<b>(81.625.030.852)</b>
					<b>590.968.171.534</b>

(\*) Ngày 02 tháng 3 năm 2011, Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty Nikko Cordial Securities Inc. thành lập tại Nhật Bản với tổng số lượng cổ phần chào bán là 8.916.300 mệnh giá 10.000 đồng, giá bán 15.000 đồng/cổ phiếu. Tỷ lệ vốn góp của cổ đông này chiếm 14,9% vốn điều lệ. Theo đó, tổng số lượng cổ phiếu lưu hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là: 59.841.300 cổ phiếu.

(\*\*) Số trích quỹ và chi cổ tức trong năm được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 của Công ty ngày 20 tháng 01 năm 2011.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**Cổ phiếu**

	<b>Năm 2011</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	59.841.300	598.413.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>	<u>59.841.300</u>	<u>598.413.000.000</u>
<b>Cổ phiếu phổ thông</b>		
<b>Số cổ phiếu hiện đang lưu hành</b>	<u>59.841.300</u>	<u>598.413.000.000</u>
<b>Cổ phiếu phổ thông</b>		
<b>Biến động số cổ phần trong năm như sau:</b>		
<b>Số dư đầu năm</b>	50.925.000	509.250.000.000
<b>Cổ phiếu phát hành trong năm</b>	8.916.300	89.163.000.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>59.841.300</b>	<b>598.413.000.000</b>

**17. DOANH THU KHÁC**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu hoạt động mua bán chứng khoán	8.117.493.239	6.493.956.547
Doanh thu lãi tiền gửi	44.279.203.428	43.709.828.536
Doanh thu ủy thác quản lý danh mục đầu tư, hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý vốn (*)	41.549.080.849	62.171.225.081
Doanh thu khác	2.115.298.654	6.923.275.606
	<b>96.061.076.170</b>	<b>119.298.285.770</b>

(\*) Phản ánh phần lãi Công ty thu được từ các hợp đồng ký với các tổ chức và cá nhân trong năm. Hoạt động ủy thác quản lý danh mục đầu tư Công ty chịu rủi ro và hoạt động hợp tác đầu tư, ủy thác quản lý vốn Công ty hưởng phí cố định không chịu rủi ro.

**18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN**

	<b>Năm 2011</b>	<b>Năm 2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	9.643.729.991	6.314.771.412
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	30.621.760.674	10.323.843.258
Chi phí hoạt động tư vấn	3.833.255.310	5.341.633.894
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	4.444.273.535	1.997.022.294
Chi phí dự phòng	4.297.207.568	19.730.446.313
Chi phí khác (*)	97.806.223.217	63.764.640.523
	<b>150.646.450.295</b>	<b>107.472.357.694</b>

(\*) Chi phí khác chủ yếu là chi phí lãi phải trả cho các khoản tiền Công ty nhận ứng trước từ các đối tác để thu gom trái phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

**19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Năm 2011</b> VND	<b>Năm 2010</b> VND
Chi phí nhân viên quản lý	27.143.701.966	16.528.142.274
Chi phí vật liệu quản lý	158.439.226	66.162.058
Chi phí đồ dùng văn phòng	605.963.140	1.113.291.353
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.301.181.475	4.559.721.616
Thuế, phí và lệ phí	534.864.703	404.701.053
Chi phí dự phòng	38.044.034.823	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	46.180.120.226	42.826.317.323
	<b>118.968.305.559</b>	<b>65.498.335.677</b>

**20. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Ngày 03 tháng 4 năm 2010, Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí tại thành phố Hồ Chí Minh đã ký Hợp đồng thuê nhà tại quận 1, thành phố Hồ Chí Minh với thời hạn thuê là 5 năm được tính từ ngày 01 tháng 5 năm 2010 đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2015.

Ngày 10 tháng 02 năm 2010, Công ty đã ký hợp đồng thuê một phần tòa nhà tại số 18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội với Tổng Công ty Du lịch Hà Nội, để làm trụ sở làm việc với thời hạn thuê là 5 năm kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2010 đến ngày 31 tháng 3 năm 2015.

**21. BÁO CÁO VỀ GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TRONG NĂM**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011</b>	
	<b>Khối lượng giao dịch</b>	<b>Giá trị giao dịch (VND)</b>
<b>1. Chứng khoán tự doanh</b>		
Cổ phiếu	8.289.870	92.812.810.250
<b>2. Chứng khoán của nhà đầu tư</b>		
Cổ phiếu	374.482.947	6.096.816.589.050
Trái phiếu	12.120.000	1.251.953.981.373
Chứng chỉ quỹ	277.280	1.490.404.000
	<b>395.170.097</b>	<b>7.443.073.784.673</b>

**22. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hiện tại, Công ty chưa lập báo cáo theo bộ phận và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc không trình bày báo cáo bộ phận không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc này 31 tháng 12 năm 2011.

**23. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Theo Hợp đồng thuê nhà số 5582/HĐTN ngày 25/10/2006 giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ký với Công ty Cổ phần Thương mại TD thuê tòa nhà số 20 Ngô Quyền và ủy quyền cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí quản lý để làm trụ sở làm việc với thời hạn thuê là 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Tiền thuê nhà là 20.000 USD/tháng. Theo hợp đồng thuê nhà, bên đi thuê có trách nhiệm bồi thường cho bên cho thuê với số tiền tương ứng với 1 năm tiền thuê nhà trong trường hợp bên đi thuê hủy hợp đồng thuê trước hạn. Công ty đã dừng thuê từ ngày 01 tháng 5 năm 2010 và bên cho thuê đã đồng ý việc Công ty chấm dứt hợp đồng trước hạn. Tại ngày báo cáo này, Công ty đang thương thảo với bên cho thuê về khoản tiền phạt nêu trên và đã trích trước tiền thuê nhà theo hợp đồng này từ tháng 5 đến tháng 12 năm 2010.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	200.680.087.112	669.525.119.879
Phải thu khách hàng và phải thu khác	122.161.795.152	307.781.638.062
Đầu tư ngắn hạn	602.739.670.140	628.959.695.317
Đầu tư dài hạn	180.646.453.460	55.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.106.228.005.864</b>	<b>1.661.266.453.258</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	25.000.000.000	-
Phải trả người bán và phải trả khác	509.877.464.683	1.091.774.514.938
Chi phí phải trả	21.394.230.629	8.938.402.558
<b>Tổng cộng</b>	<b>556.271.695.312</b>	<b>1.100.712.917.496</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, tuy nhiên rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết và các khoản nhận ứng trước của khách hàng để thu gom trái phiếu và các khoản tiền gửi của Công ty. Công ty quản lý rủi ro bằng việc phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để tối đa hóa lãi suất có lợi cho Công ty và nắm trong giới hạn quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

**Rủi ro về giá**

Các khoản đầu tư bao gồm các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết, hợp đồng hợp tác đầu tư do của Công ty bị ảnh hưởng bởi các rủi ro do sự biến động của thị trường chứng khoán ảnh hưởng đến giá trị tương lai của các khoản đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, đa dạng hóa danh mục đầu tư và các mức giới hạn cắt lỗ, cắt lỗ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá trị cổ phiếu niêm yết (bao gồm cả hợp tác đầu tư) là 78.658.726.613 đồng. Nếu giá các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 7.865.872.661 đồng và nếu tăng 10% thì lợi nhuận sau thuế của Công ty cũng sẽ tăng thêm với số tiền tương ứng.

Đối với cổ phiếu OTC, do không có giá giao dịch chính thức trên thị trường nên Công ty không phân tích độ nhạy thay đổi giá.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Các rủi ro tín dụng chủ yếu từ các khoản phải thu và tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác của Công ty.

Đối với các khoản phải thu, Công ty thường xuyên theo dõi và đánh giá các khoản phải thu và lập dự phòng phải thu khó đòi kịp thời cho từng khách hàng (nếu có) khi lập báo cáo tài chính.

Đối với các khoản phải thu dịch vụ ký quỹ (margin), Công ty quản lý rủi ro thông qua việc kiểm soát số lượng và giá trị chứng khoán của nhà đầu tư tại bất kỳ thời điểm nào.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**  
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09-CTCK**

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	509.877.464.683	-	509.877.464.683
Các khoản vay	25.000.000.000	-	25.000.000.000

31/12/2010

Phải trả người bán và phải trả khác	1.091.774.514.938	-	1.091.774.514.938
-------------------------------------	-------------------	---	-------------------

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Phải thu khách hàng và phải thu khác	122.161.795.152	-	122.161.795.152
31/12/2010	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Phải thu khách hàng và phải thu khác	307.781.638.062	-	307.781.638.062

**Tài sản đảm bảo**

Công ty không cầm cố, thế chấp dưới các hình thức nào cho các khoản nợ tại ngày lập báo cáo này.

Công ty đang nắm giữ các tài khoản chứng khoán, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất, tiền ký quỹ tại tài khoản tiền gửi để cầm cố cho các hợp đồng hợp tác đầu tư, hợp đồng giao dịch ký quỹ.

**25. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ ĐƯỚC VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>		
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	8.716.620.215	6.689.130.362
<b>Chi phí lãi hợp đồng hỗ trợ vốn kinh doanh</b>		
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	7.080.750.000
<b>Lãi từ tiền đặt cọc theo hợp đồng dịch vụ mua gom trái phiếu</b>		
- Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam	75.612.294.442	22.991.666.665
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	1.586.862.891	2.200.637.460

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)  
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niêm độ kê toán:

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kê toán:

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
<b>Uỷ thác quản lý vốn</b>		
- Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam		1.600.000.000
<b>Các khoản phải thu</b>		
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	8.483.043.398	7.483.043.398
<b>Các khoản phải trả</b>		
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		500.000.000
- Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam (dư nợ gốc theo hợp đồng thu gom trái phiếu)	350.000.000.000	638.000.000.000

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã  
được kiểm toán.



Phạm Quang Huy  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2012

Trần Ngọc Độc  
Kế toán trưởng

\*\*\*\*\*